TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2019
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Minh Sâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Triển

2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Nam Ph, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, An Giang.

Tạm trú: Tổ 5, ấp Tân Thuận, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, An Giang

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Nam Ph trình bày:**

-Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Thanh H kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn UBND xã V, huyện Châu Thành, An Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không quan tâm chăm sóc vợ con, anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị nhiều lần khuyên nhưng anh H vẫn không sửa đổi. Từ tháng 3/2018 vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị

nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm với anh H được nữa, nên yêu cầu được ly hôn.

-Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thúy D, sinh ngày 19/05/2015, hiện con đang sống với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

-Về tài sản và nợ chung: không có

***Tại tờ tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:**

-Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị Ph về thời gian và điều kiện kết hôn, cũng như quá trình chung sống, về nguyên nhân mâu thuẫn chị Ph trình bày là không đúng, anh đã nhiều lần giải thích là anh không có tình cảm gì với người khác nhưng chị Ph không tin, bỏ về nhà cha mẹ ruột và vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Nay chị Ph yêu cầu ly hôn do anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: có 01 con chung đúng như chị Ph trình bày, nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu D cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: chị Ph gửi đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh H có nơi cư trú tại xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị Ph và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69/2015 vào ngày 19/6/2015 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho chị Ph và anh H được đoàn tụ, nhưng chị Ph vẫn giữ yêu cầu ly hôn còn

anh H thì không đồng ý ly hôn do anh còn thương vợ con, mong muốn được đoàn tụ.

Xét mối quan hệ tranh chấp trên, hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình chị Ph và anh H chung sống có những mâu thuẫn tuy không lớn nhưng cả hai không thể giải quyết được và bỏ mặc nhau nên mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng đã ly thân nhau trong 1 khoảng thời gian dài, anh H cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Ph và mong muốn hàn gắn nhưng anh H hoàn toàn không thể hiện được thiện chí của mình trong thời gian anh chị ly thân nhau, đến thời điểm hiện tại chị Ph vẫn kiên quyết ly hôn. Nhận thấy khả năng đoàn tụ của anh chị là không có do đó căn cứ vào qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình việc chị Ph yêu cầu ly hôn là có cơ sở nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về nuôi con chung:

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Ph có yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Ngọc Thúy D, sinh ngày 19/05/2015, hiện cháu đang sống ổn định với chị Ph. Do đó yêu cầu của chị Ph phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời chị Ph phải tạo điều kiện cho anh H được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc trực tiếp nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Ph không yêu cầu anh Hải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph và anh H đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Phương là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Chị Ph và anh H được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Nam Ph. Chị Võ Thị Nam Ph được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69 ngày 19/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

Chị Võ Thị Nam Ph được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Ngọc Thúy D, sinh ngày 19/5/2015. Anh Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Ph không có yêu cầu.

Chị Ph phải tạo điều kiện cho anh H được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị Nam Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014015 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Ph và anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/3/2019).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án – TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cù Minh Sâm